

Số: /GP-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 4784/QĐ-UBND ngày 14/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy may xuất khẩu Thạch Tượng công suất 2.000.000 sản phẩm/năm, dịch vụ giặt là 2.000.000 đến 3.000.000 sản phẩm/năm tại xã Thạch Tượng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH Nhân Hòa Phúc Vinh;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 1123/BOB-GPMT ngày 11/01/2023 của Công ty TNHH BOB Hà Nội về việc phê duyệt cấp giấy phép môi trường của Nhà máy may xuất khẩu Thạch Tượng tại xã Thạch Tượng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 37/TTr-STNMT ngày 16 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH BOB Hà Nội, địa chỉ tại Số 4, G5, tổ 8, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở: Nhà máy may xuất khẩu Thạch Tượng tại xã Thạch Tượng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy may xuất khẩu Thạch Tượng tại xã Thạch Tượng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Thạch Tượng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên có mã số doanh nghiệp 0105942784 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/7/2012; cấp thay đổi lần thứ 6, ngày 06/4/2021.

1.4. Mã số doanh nghiệp: 0105942784.

1.5. Loại hình sản xuất kinh doanh: Sản xuất gia công hàng may mặc, hoạt dịch vụ giặt là, sản xuất bộ dây điện cho xe ô tô và xe có động cơ khác,...

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Quy mô: Dự án nhóm B phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công.

- Tổng diện tích đất toàn bộ khu vực cơ sở: 56.826,9 m².

- Công nghệ sản xuất sản phẩm may: Nguyên liệu → Cắt → May → Kiểm tra → Ngâm màu → Giặt → Đảo trộn → vắt, sấy, là → Xếp đồ, lưu kho.

- Công nghệ sản xuất sản phẩm dây điện: Phôi → Cấp ép tự động → Ép bán tự động → Gia công cấp ép → Lắp ráp → Kiểm tra → Đóng gói, lưu kho.

- Công suất: Sản xuất may mặc 1.000.000 triệu sản phẩm/năm; dịch vụ giặt là 2.000.000 - 3.000.000 sản phẩm/năm; sản xuất bộ dây điện cho xe ô tô và xe có động cơ khác 1.000.000 sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về quản lý nước thải và bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.1. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH BOB Hà Nội:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH BOB Hà Nội có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành

các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu mùi hôi, tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, mùi, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(từ ngày 30 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 01 năm 2033).

Giấy phép môi trường thành phần là Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 202/GP-UBND ngày 06/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về tính chính xác của các số liệu tại Giấy phép này;

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Thạch Thành và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường, chất lượng chất thải và tiếng ồn của dự án được cấp phép ra môi trường./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH BOB Hà Nội (để t/h);
- Sở TN&MT (để theo dõi);
- UBND huyện Thạch Thành (để theo dõi);
- Các đơn vị liên quan
- Lưu: VT, PgNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Giang

PHỤ LỤC 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

1.1. Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt (bao gồm nước đen là nước thải đi qua bể tự hoại như từ bồn cầu, bồn tiểu; nước xám là nước không đi qua bể tự hoại như nước tắm, rửa, giặt phát sinh từ khu vệ sinh của khu nhà văn phòng, các xưởng sản xuất, khu nhà ăn, nhà ở chuyên gia của,... của Nhà máy), lưu lượng 128m³/ngày đêm.

1.2. Nguồn số 02: Nước thải sản xuất từ quá trình giặt là, xả đáy nồi hơi,... với lưu lượng 177 m³/ngày đêm

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Mương thoát nước chung của khu vực, sau đó chảy ra khe thoát nước chung đoạn chảy qua xã Thạch Tượng, huyện Thạch Thành về sông Bưởi.

2.2. Vị trí xả thải:

Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN cho phép dẫn qua đường ống PVC, DN200 xả thải ra mương thoát nước chung của khu vực. Tọa độ vị trí xả thải (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105⁰, múi chiếu 3⁰): X = 2245036 (m), Y = 553063 (m).

2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất: 305m³/ngày.đêm (24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả thải:

Dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 1.000m³/ngày.đêm được dẫn qua đường ống PVC, DN200 ra mương thoát nước chung của khu vực, sau đó chảy ra khe thoát nước chung đoạn chảy qua xã Thạch Tượng, huyện Thạch Thành về sông Bưởi theo phương thức tự chảy và xả mặt.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày

2.3.3. Chất lượng nước thải: Nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các thông số không vượt quá giá trị tối đa cho phép theo QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B; K_q = 0,9; K_f = 1,1), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B; $K_q = 0,9$; $K_f = 1,1$)	Tần xuất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	40	06 tháng/lần (Theo đề xuất của Cơ sở)	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ- CP)
2	pH	-	5,5-9		
3	Độ màu	Pt/Co	150		
4	TSS	mg/l	99,00		
5	COD	mg/l	148,50		
6	BOD ₅	mg/l	99,00		
7	Cr (VI)	mg/l	0,99		
8	Sắt	mg/l	4,95		
9	Sunfua	mg/l	0,495		
10	Dầu mỡ khoáng	mg/l	9,90		
11	Amoni	mg/l	9,90		
12	Tổng N	mg/l	39,60		
13	Tổng P	mg/l	5,94		
14	Coliform	Vi khuẩn/100ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải phát sinh được đưa về hệ thống xử lý:

- Nước thải sinh hoạt từ nguồn số 1 (bao gồm: nước đen là nước thải đi qua bể tự hoại như từ bồn cầu, bồn tiểu; nước xám là nước không đi qua bể tự hoại như nước tắm, rửa, giặt phát sinh từ khu vệ sinh của khu nhà văn phòng, các xưởng sản xuất, khu nhà ăn, nhà ở chuyên gia của,... của Nhà máy) được thu gom bằng hệ thống đường ống ngầm về Hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 1.000 m³/ngày.đêm để xử lý.

- Nước thải từ nguồn số 2: Nước thải từ xưởng giặt, là và nước thải xả đáy nồi hơi → Đường ống thu gom → Cống tròn BTCT D300 → Hệ thống xử lý tập trung công suất 1.000m³/ngày đêm

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung: Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ/nước thải sản xuất (giặt, là và xả đáy nồi hơi) → Cống thu gom → Bể chứa, điều hòa → Máy tách rác → Cụm bể xử lý lý hóa → Bể keo tụ và lắng hóa lý → Bể Anoxic → Bể hiếu khí sinh học → Bể lắng sinh học số 01

→ Bể lắng sinh học số 02 → Bể trung gian → Bể lọc cát → Bể khử trùng → Đường ống PVC, DN200 → Cửa xả → Môi trường.

- Công suất thiết kế: 1.000 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng: Dung dịch PAC, polyme, NaOH, NaHCO₃, NaCl (Javel 10%), H₃PO₄, Ure (hoặc các hóa chất khác tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2 phần A của Phụ lục này)

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đầu tư xây dựng bể chứa (bể điều hòa nước thải) có tổng dung tích chứa nước 3.000 m³, bằng 9,8 tổng lưu lượng nước thải phát sinh hằng ngày kết hợp làm hồ sự cố số 1; 01 hồ sự cố nước thải số 2 bên cạnh Hệ thống xử lý nước thải tập trung có dung tích 9.000m³ để chứa nước thải khi gặp sự cố trong vòng 10 ngày. Ngoài ra, Hệ thống xử lý nước thải tập trung có thể vận hành công suất tối đa đạt 120% công suất thiết kế. Trong quá trình vận hành nếu hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố sẽ được cô lập bằng các van đóng mở để lưu giữ nước thải tạm thời trong bể điều hòa, hồ sự cố. Sau khi khắc phục xong sự cố, vận hành tăng công suất để đảm bảo xử lý được toàn bộ lượng nước thải phát sinh đang lưu giữ tại bể chứa và hồ sự cố đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này trước khi xả ra nguồn nước tiếp nhận.

- Vận hành các hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị và dự phòng thiết bị thay thế.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành các hệ thống xử lý nước thải và ghi chép vào sổ giám sát hàng ngày.

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát các thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt, đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép mới được xả thải ra môi trường. Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu ra để kiểm soát lưu lượng xả thải.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của các hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và xả nước thải sau xử lý.

- Khi hệ thống xử lý nước thải tập trung có sự cố hoặc nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục, dừng ngay việc xả nước thải ra nguồn tiếp nhận để thực hiện các biện pháp khắc phục như sau:

+ Trường hợp xảy ra sự cố nghiêm trọng phải báo cáo với chính quyền địa phương, cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường để được hướng dẫn thực hiện khắc phục sự cố.

+ Nếu sự cố không đến mức nghiêm trọng, công nhân dừng vận hành hệ thống, đóng van để lưu giữ nước thải tạm thời trong các bể chứa của hệ thống xử lý

nước thải và khăn trương khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong sự cố, vận hành tăng công suất để đảm bảo xử lý được toàn bộ lượng nước thải phát sinh đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này trước khi xả ra nguồn nước tiếp nhận.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải do đã được Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy phép môi trường thành phần là Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 202/GP-UBND ngày 06/01/2020.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Trường hợp gây sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường trong quá trình vận hành, Công ty phải dừng ngay hoạt động vận hành và báo cáo kịp thời đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Thạch Thành để được hướng dẫn, giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại và bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

3.2. Thu gom triệt để nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở; vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật và đạt yêu cầu về chất lượng nước thải quy định theo quy định tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có hoạt động xả nước thải ra môi trường dưới bất kỳ hình thức nào trong quá trình hoạt động.

3.4. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.5. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải./.

PHỤ LỤC 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

Khí thải phát sinh từ hoạt động của lò hơi công suất 4 tấn hơi/giờ sử dụng nhiên liệu củi và viên đốt sinh học, lưu lượng 4.500m³/giờ (theo công suất quạt hút).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải từ hoạt động của lò hơi được thu gom, xử lý thải ra môi trường có vị trí xả thải tại xã Thạch Tượng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

- Tọa độ vị trí xả thải (theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105⁰ múi chiều 3⁰) như sau: X = 2244882 (m); Y = 553181 (m).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

Dòng khí thải có lưu lượng xả khí thải lớn nhất 4.500 m³/giờ (theo công suất quạt hút).

2.2.1. Phương thức xả thải:

Khí thải phát sinh từ hoạt động của lò hơi sau khi được thu gom, xử lý được thu gom qua ống khói cao 16 m xả thải ra môi trường, xả liên tục 24 giờ/ngày đêm.

2.2.2. Chất lượng khí thải sau xử lý:

Chất lượng khí thải trước khi thải vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT với hệ số k_p = 1,0; k_v = 1,2 cụ thể như sau:

STT	Tên chất ô nhiễm	Đơn vị	Gía trị giới hạn cho phép QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B; K _p = 1,0; K _v = 1,2;)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	240	01 lần/năm (Theo đề xuất của Cơ sở)
2	Các bon oxit, CO	mg/Nm ³	1.200	
3	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	600	
4	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	1.020	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải phát sinh:

Khí thải từ quá trình đốt củi, viên đốt sinh học (mùn cưa, trấu nén viên) được thu gom xử lý qua hệ thống xử lý bụi, khí thải sau đó qua ống khói cao 16 m xả thải ra môi trường.

1.2. Hệ thống xử lý khí thải:

- Khí thải từ quá trình đốt củi, viên đốt sinh học (mùn cưa, trấu nén viên) → Thu gom qua đường ống → Hệ thống tháp xử lý bụi khô → Quạt hút → Bể nước hấp thụ khí thải → Ống khói có đường kính D450mm cao 16m → Môi trường.

- Công suất xử lý tối đa: 4.500m³/giờ (theo công suất quạt hút khí thải).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Nước vôi trong Ca(OH)₂ (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.2.2 phần B của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của máy phát điện để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải.

- Định kỳ hằng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý khí thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải (theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Vận hành hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở theo đúng quy trình và đạt yêu cầu về chất lượng khí thải quy định tại mục 2.4 phần A của Phụ lục này.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Đối với bụi, khí thải phát sinh từ phân xưởng may, sản xuất bộ dây điện ô tô: Tại các phân xưởng được chống nóng bằng hệ thống quạt gió cục bộ và thông gió cho toàn xưởng. Các quạt hút này được lắp đặt trên tường tạo độ thông thoáng khí với môi trường bên ngoài (ô thoáng khí là các ô hình vuông, diện tích 1m²). Quy

cách lắp đặt các quạt hút đối xứng nhau trong mỗi xưởng sản xuất, số lượng 139 quạt hút (công suất $2,2 \div 3$ Kw/quạt) để đảm bảo hút gió vào và đẩy gió ra đảm bảo yếu tố vi khí hậu trong xưởng sản xuất, đồng thời bố trí quạt công nghiệp để điều hòa vi khí hậu trong các phân xưởng.

- Đối với mùi, khí thải từ các công trình thiết bị thu gom, xử lý nước thải: Vận hành đúng quy trình kỹ thuật, bổ sung lắp đặt hệ thống quạt thông gió tại những nơi phát tán mùi (khu vực chứa bùn thải,...) để khuếch tán nhanh mùi hôi ra môi trường, định kỳ nạo vét, khơi thông cống rãnh thu gom nước thải, thoát nước mưa; định kỳ 3 tháng 1 lần bổ sung vi sinh cho bể phốt và hệ thống xử lý nước thải tập trung để tăng hiệu quả xử lý của hệ thống để hạn chế mùi hôi phát sinh.

- Đối với bụi phát sinh từ xưởng giặt là: Bụi vải phát sinh từ công đoạn sấy khô sản phẩm may mặc sau khi giặt, lắp đặt các túi vải để thu bụi phát sinh trong quá trình sấy. Định kỳ hằng tuần, công nhân mở túi vải để thu gom bụi vào các túi đựng và chuyển về tập kết tại kho chứa chất thải rắn thông thường, xử lý cùng chất thải rắn thông thường.

- Đối với mùi, khí thải từ khâu thu gom, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt: Rác thải sinh hoạt phát sinh tại Nhà máy phải được chuyển đi sau mỗi ngày và không để lưu trú rác qua đêm tránh việc gây phát sinh mùi, ruồi bọ và nước rỉ rác ra môi trường; tại các kho tập kết rác ở tầng hầm thường xuyên quét dọn, phun xịt chất diệt khuẩn, khử mùi tránh phát sinh mùi hôi thối ra môi trường, rác tập kết phải dọn sạch trong ngày, không để qua đêm làm phát sinh ruồi muỗi và mùi hôi.

3.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý khí thải./.

PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: Máy nén khí, thổi khí phục vụ hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 2: Tủ hoạt động của lò hơi.

- Nguồn số 3: Tủ hoạt động của máy giặt công nghiệp.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: Xã Thạch Tượng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa

Tọa độ vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105^0 múi chiếu 3^0): X = 2244926 (m); Y = 553249 (m)

- Nguồn số 2: Xã Thạch Tượng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa

Tọa độ vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105^0 múi chiếu 3^0): X = 2244882 (m); Y = 553181 (m).

- Nguồn số 3: Xã Thạch Tượng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa

Tọa độ vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105^0 múi chiếu 3^0): X = 2244851 (m); Y = 553181 (m).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Các điểm tiếp xúc giữa máy thổi khí, động cơ, máy bơm và sàn đặt máy được kê đệm cao su để giảm tiếng ồn và giảm độ rung. Bố trí khoảng cách các thiết bị gây ồn hợp lý.

1.2. Trồng cây xanh xung quanh khu vực nhà Nhà máy nhằm giảm thiểu tác động của tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung. /.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ
SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại dự kiến phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Cartridge mực, mực in thải (hộp mực in thải có chứa các thành phần nguy hại)	Rắn	08 02 04	20
2	Bóng đèn huỳnh quang hỏng thải	Rắn	16 01 06	120
3	Các linh kiện, thiết bị điện tử thải	Rắn	16 01 13	100
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	1.950
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại có chứa các thành phần nguy hại	Rắn	18 01 02	250
6	Bao bì mềm có chứa hoặc bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 01 01	380
7	Bao bì cứng thải bằng nhựa có chứa các thành phần nguy hại	Rắn	18 01 03	180
8	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Lỏng	17 02 04	250
9	Chất thải gây nhiễm bao gồm cả chất thải sắc nhọn	Rắn	13 01 01	20
10	Các loại pin thải	Rắn	19 06 05	10
Tổng khối lượng				3.280

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường dự kiến phát sinh thường xuyên:

TT	Tên nguyên liệu	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Đầu vải vụn, sản phẩm may mặc lỗi, hỏng thải bỏ	25.000
2	Đầu, mẫu dây điện thải	300
3	Xốp bồi, xốp chưa bồi	1.500
4	Phế vật liệu mềm, lõi chỉ	600
5	Bụi vải thu gom từ quá trình xử lý bụi xưởng giặt là	500
6	Giấy phế, giấy lót, lõi cuộn vải thải	10.000
7	Các loại mảnh nhựa thải	700
8	Nilong	750
9	Gỗ	2.800
10	Kim loại phế	5.500
11	Tro, xỉ lò hơi đốt củi, viên đốt sinh học	15.000
12	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	50.000
Tổng		108.650

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải khác:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	184,2
Tổng khối lượng		184,2

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí 6 thùng lưu chứa có nắp đậy, dung tích 110 lít/thùng và có ghi nhãn mác của từng loại CTNH được lưu giữ.
- Bao bì ghi nhãn mác của từng loại CTNH được lưu giữ

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Khu lưu giữ tạm thời CTNH được bố trí trong kho chứa chất thải của nhà máy (có diện tích 32 m²), xung quanh được vây lưới thép B40 phân cách với CTR

thông thường. Kho chứa chất thải tường xây gạch và được sơn chống thấm; mái bê tông, có gờ cao tránh chảy tràn chất thải dạng lỏng.

- Kho lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được định kỳ chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Chất thải là vãi vụn, chỉ thừa: Được thu gom vào giữa và cuối mỗi ca làm việc. Chất thải được thu gom vào các bao chứa, vận chuyển về kho chứa chất thải rắn của nhà máy để chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

- Chất thải là giấy, bìa carton: Được thu gom vào giữa và cuối mỗi ca làm việc. Chất thải được thu gom vào các bao chứa, vận chuyển về kho chứa chất thải rắn của nhà máy và bán phế liệu.

- Chất thải là kim loại (kim khâu gãy, phụ kiện kim loại,...): được thu gom vào giữa và cuối mỗi ca làm việc. Chất thải được thu gom vào các hộp bằng sắt và lưu chuyển về kho chứa chất thải rắn của nhà máy và bán cho cơ sở tái chế.

- Tro từ quá trình đốt lò hơi được thu gom về bể chứa tro 30m³.

- Bùn cặn từ hệ thống xử lý nước thải được phơi khô sau đó thu gom vào bao chứa lưu chứa và tập kết về kho chứa chất thải rắn của nhà máy để chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý hệ thống xử lý nước thải tập trung sau đó chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý.

2.2.2. Kho lưu giữ:

- Diện tích kho chứa chất thải công nghiệp có diện tích 150 m². Khu vực lưu chứa được đổ bê tông và láng nền vữa xi măng chống thấm, tường xây gạch, mái lợp tôn.

- Bể chứa tro kích thước 10 x 5 x 0,6, tổng thể tích chứa 30m³ kết cấu BTCT.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng chứa rác bằng nhựa có nắp đậy loại 5 lít/thùng.

- Thùng chứa rác bằng nhựa có nắp đậy loại 10 lít/thùng.

- Thùng chứa bằng composite loại 110 lít/thùng.

- Xe rác chứa, thu gom rác thải loại 240 lít/xe.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Xây dựng khu tập kết rác thải sinh hoạt được bố trí ở gần kho chứa chất thải công nghiệp có diện tích 20m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu chứa được lát nền láng xi măng cát chống thấm, tường xây gạch cao khoảng 2,0 m; mái lợp tôn, có gờ cao tránh chảy tràn chất thải dạng lỏng.

- Khu vực tập kết chất thải sinh hoạt được phun khử mùi hằng ngày.

2.3. Chuyển giao chất thải

Chỉ được chuyển giao chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường cho đơn vị có chức năng xử lý.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện đúng quy trình phòng ngừa ứng phó sự cố đối với nước thải,
2. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và sự cố khác theo quy định của pháp luật.
3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.
4. Tổ chức thực hiện biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này./.

PHỤ LỤC 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Nhà máy may xuất khẩu Thạch Tượng tại xã Thạch Tượng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa đã hoàn thành, hạng mục, công trình phục vụ hoạt động của dự án. Giai đoạn tiếp theo, Chủ dự án phải tiếp tục hoàn thiện các hạng mục công trình cho toàn dự án, gồm:

- Hạng mục trồng cây xanh tại khu vực khuôn viên cây xanh và cảnh quan của Nhà máy.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Kiểm soát thông số ô nhiễm trong nước thải bảo đảm nước thải sau xử lý đáp ứng QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B, $K_q = 0,9$; $K_f = 1,1$); khuyến khích tái sử dụng nước thải sau xử lý nhằm tiết kiệm tài nguyên và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

4. Kiểm soát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung đảm bảo không phát sinh mùi hôi từ hệ thống xử lý ra môi trường xung quanh.

5. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định./.